

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	378	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	2	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	376	Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	=	2.632.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	376	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.648.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	376	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.648.000 đồng
8.	Tiền thu:	19.928.000	đồng				
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19.928.000	đồng				
10.	Tiền thiếu:	0	đồng				

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	112,8	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20,0	50.000	1.000.000	
3	Nước mắm	Lít	2,0	13.800	27.600	
4	Mỳ chính	Kg	2,0	55.000	110.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	
6	Muối trắng	Kg		7.000	-	

7	Nước rửa bát	Lít	6,8	38.000	258.400	
8	Nước lau nhà	Lít	7,2	30.000	216.000	
9	Gas đun bếp	Kg	25,0	36.000	900.000	
10	Gạo nếp (Xôi sáng)	Kg	45,0	25.000	1.125.000	
11	Thịt Xay(ăn xôi+ Xào Su Hào+ canh)	Kg	15,4	120.000	1.848.000	
12	Thịt lợn rang	Kg	52,5	120.000	6.300.000	
13	Su hào (Xào Thịt)	Kg	35,0	15.000	525.000	
14	Cải thảo (canh)	Kg	22,0	12.000	264.000	
15	Củ Đậu	Kg	27,0	18.000	486.000	
16	Gà chiên	Kg	68,5	80.000	5.480.000	
17	Bắp cải xào	Kg	40,5	12.000	486.000	
18	Bắp cải (canh)	Kg	21,0	12.000	252.000	
19	Củ Đậu	Kg	27,0	18.000	486.000	
20	Bột chiên giòn	Kg	1,0	28.000	28.000	
21	Hành khô	Kg	0,4	40.000	16.000	
22	Tỏi	Kg		40.000	-	
23	Hành lá	Kg	2,0	40.000	80.000	
					19.928.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP

Hương

Lò Thị Hương

THANH TRẢ NHÂN DÂN

HNB

Hoàng Thái Bình

KÊ TOÁN

Nguyễn Văn Mươi

Nguyễn Văn Mươi

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Đỗ Thị Thanh Huyền

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Anh Tuấn

